TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** TỈNH THÁI BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HSST

Ngày 07-03-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.
Hội thẩm nhân dân:
Ông Phan Văn Tiến;
Ông Ngô Văn Sang.
-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.
-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Giang– Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 03 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1997; nơi sinh: Xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn V1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ tên bố: Nguyễn Văn H, sinh năm 1975, họ tên mẹ: Đỗ Thị L1, sinh năm 1978; chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: Không.

Danh chỉ bản số 1132 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 15/11/2017. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/11/2017; bị tạm giam từ ngày 18/11/2017; hiện bị tạm giam tại Trại Tạm giam thuộc Công an tỉnh Thái Bình, trích xuất, có mặt.

-Người làm chứng:

1).Anh Nguyễn Thành T4, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn Đ1, xã T5, huyện T3, tỉnh Thái Bình; Vắng mặt.

2).Anh Nguyễn Văn C1, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn A, xã T6, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

3).Bà Vũ Thị L2, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn V2, xã T7, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

4).Chị Hứa Thị D, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn V3, xã T7, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 30 phút ngày 15/11/2017, tại đoạn đường thuộc địa phận thôn V4, xã T7, huyện T3, tỉnh Thái Bình; tổ công tác Công an huyện T3- Công an xã T7 bắt quả tang bị cáo T1 bán 01 gói ma túy cho các anh Nguyễn Thành T4, sinh năm 1991; Nguyễn Văn C1, sinh năm 1994. Qua kiểm tra đã phát hiện và thu giữ từ anh T4 01 gói chứa chất dạng tinh thể trong suốt (Mẫu A1). Kiểm tra người bị cáo, tổ công tác phát hiện và thu giữ số tiền 500.000,đồng và 01 chiếc điện thoại di động NOKIA. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang; tiến hành niêm phong vật chứng. Anh Nguyễn Thành T4; anh Nguyễn Văn C1 đều xác định: Anh T4 rủ anh C1 mua chung ma túy thì anh C1 đồng ý, rồi anh C1 đưa cho anh T4 500.000đồng để đi mua ma túy. Anh T4 là người gọi điện cho bị cáo hỏi mua ma túy; trong suốt quá trình mua bán, chỉ có anh T4 giao dịch với bị cáo; còn anh C1 không tham gia. Bà Vũ Thị L2 và chị Hứa Thị D là những người đã trực tiếp chứng kiến công an thu giữ 01 gói ma túy từ anh T4, thu giữ số tiền bán ma túy từ bị cáo. Theo kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Thái Bình thì mẫu vật thu giữ gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng là 0,2584gam.

Tại phiên tòa, bị cáo trình bày: Bị cáo nghiện ma túy từ năm 2015 nên thường mua ma túy đá về sử dụng. Hồi 15 giờ 00 phút ngày 15/11/2017, khi anh T4 gọi điện cho bị cáo hỏi mua ma túy thì bị cáo đồng ý. Bị cáo đi đến khu vực chợ Đ2 (xã T8) mua 01 gói ma túy là Methamphetamine với giá 450.000,đồng đem về, mục đích để bán cho anh T4. Buổi chiều cùng ngày, bị cáo đã đem số ma túy đó đến khu vực C2 thuộc địa phận thôn V4 (xã T7) bán cho anh T4 với giá 500.000,đồng. Ngay lúc đó, Công an bắt quả tang; thu giữ 01 gói ma túy là Methamphetamine từ anh T4; thu giữ từ bị cáo 500.000,đồng (là ma túy và tiền mà bị cáo và anh T4 vừa mua bán với nhau).

Bản cáo trạng số 19/CT-VKSTT ngày 09/02/2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Luận tội của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo; đề nghị căn cứ: Khoản 1 Điều 194; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 45; Điều 33; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999.

Kiểm sát viên đề nghị tuyên bố bị cáo phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý"; đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy; tịch thu sung công 01 chiếc điện thoại di động NOKIA và số tiền 500.000đồng; trả lại bị cáo 01 chiếc túi xách và 01 chiếc điện thoại di động SAMSUNG.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đều trình bày: Hồi 17 giờ 00 phút ngày 15/11/2017, tại khu vực C2 thuộc địa phận xã T7, bị cáo đã bán 01 gói ma túy là Methamphetamine cho anh Nguyễn Thành T4.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp và được chứng minh bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện Thái Thụy lập hồi 17 giờ 45 ngày 15/11/2017; Kết luận giám định; Báo cáo của Công an xã T7; lời khai của người làm chứng là anh Nguyễn Thành T4; anh Nguyễn Văn C1, bà Vũ Thị L2, chị Hứa Thị D và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đủ cơ sở khẳng định: Bị cáo Nguyễn Thị Phương T1 là người đã thực hiện hành vi: Bán trái phép 01 gói ma túy là Methamphetamine cho anh Nguyễn Thành T4. Chất Methamphetamine là chất ma túy được quy định trong Nghị định số 82/2013/NĐ- CP Ban hành các danh mục chất ma túy và tiền chất ngày 19/07/2013 của Chính phủ nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: "Mua bán trái phép chất ma túy"; tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự. Bị cáo bán 0,2584gam ma túy, loại Methamphetamine cho một người nên hành vi của bị cáo vi phạm khoản 1 của điều luật. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điều luật trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo là người nghiện ma túy, biết tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người đồng thời còn gây nhiều tệ nạn khác cho xã hội; biết việc mua bán ma túy là hành vi vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bán ma túy cho người khác để có tiền sử dụng ma túy. Hành vi của bị cáo đã vi phạm chế độ quản lý về chất ma túy, hành vi này nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật hình sự nên phải xử lý. Cần áp dụng Điều 33 Bộ luật Hình sự xử phạt tù đối với bị cáo để giáo dục bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Theo các tài liệu, chứng cứ trong quá trình điều tra và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, sống phụ thuộc gia đình, cũng không có tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

-Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

-Bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về vật chứng, xử lý vật chứng:

[4.1]. Các vật chứng hiện đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/02/2018 gồm:

- 0,2584gam ma túy là Methamphetamine; sau khi lấy mẫu giám định còn 0,2392 gam. Đây là vật cấm lưu hành, cần áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 500.000đồng do bị cáo phạm tội mà có; cần áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu NOKIA; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG; 01 chiếc túi xách. Xét đây là các vật dùng trong sinh hoạt hàng ngày, bị cáo chỉ sử dụng một lần chiếc điện thoại NOKIA khi liên lạc bán ma túy; cần áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo nhưng quản lý để đảm bảo thi hành án.

[4.2]. Vật chứng là 01 chiếc xe môtô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER thu giữ của bị cáo. Trong giai đoạn xét xử, Cơ quan điều tra không chuyển đến cơ quan thi hành án dân sự để bảo quản theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 89 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Tòa án không xem xét.

[5]. Về các vấn đề khác của vụ án:

- Trong quá trình tố tụng, Cơ quan điều tra đã xử lý hành chính đối với anh Nguyễn Thành T4 và anh Nguyễn Văn C1.

- Bị cáo trình bày: Trước đây, bị cáo mua ma túy tại thành phố Thái Bình và khu vực chợ Đ2 nhưng không biết tên, địa chỉ người bán. Ngày 15/11/2017, tại khu vực chợ Đ2, bị cáo mua ma túy của người đàn ông khoảng 40 tuổi nhưng bị cáo không biết tên, địa chỉ người bán. Vì vậy, Cơ quan điều tra không có cơ sở xác định những lần mua ma túy trước đây của bị cáo; cũng không có cơ sở xác định người bán ma túy cho bị cáo ngày 15/11/2017.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000,đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Phương T1 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Xử phạt: Áp dụng Khoản 1 Điều 194; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 45; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/11/2017.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điểm b, điểm c khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999. Khoản 1, điểm a, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Các vật chứng hiện đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/02/2018 được xử lý như sau:

- Tịch thu tiêu hủy 0,2392 gam ma túy là Methamphetamine;

- Tịch thu từ bị cáo số tiền 500.000đồng nộp ngân sách nhà nước;

- Trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu NOKIA; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG và 01 chiếc túi xách nhưng quản lý để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Khoản 1 Điều 21; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000,đồng án hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Bị cáo;
-VKSND huyện Thái Thụy;
-VKSND tỉnh Thái Bình;
-Cơ quan điều tra-Công an huyện Thái Thụy;
-Cơ quan thi hành án hình sự;
-Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tòng